

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2020/DS-PT.

Ngày: 07-12-2020.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2020/TLPT-DS ngày 12/11/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng T, sinh năm 1979; địa chỉ: Xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn Danh N; địa chỉ: Xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:**

Bà có cho bà Hoàng T vay mượn nhiều lần không làm giấy tờ và đến ngày 01/3/2020 thì chốt nợ, bà T còn nợ bà H tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên trong giấy tính nợ vì bà cộng nhầm nên ban đầu bà T chỉ ghi 90.000.000 đồng, sau đó bà tự viết cộng thêm 10.000.000 đồng ở dưới dòng chữ bà T chốt, lúc đó bà T ở đó cũng đồng ý, không có ý kiến gì. Vì hai bà thân nhau nên trước giờ vay mượn đều không làm giấy vay. Hai bà có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 1,67%/tháng, bà T hẹn vay tạm vài ngày sẽ trả, tuy nhiên bà có đòi nợ nhiều lần nhưng bà T không trả, kể từ khi vay đến nay, bà mới chỉ nhận được 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng tiền lãi nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu vì không ghi giấy tờ. Bà yêu cầu bà T phải trả cho bà 100.000.000 đồng tiền vay nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi, không yêu cầu anh Nguyễn Tấn Danh N phải liên đới trả nợ.

Việc bà T cung cấp giấy tính lãi bà ghi trên vỏ bao thuốc tây đúng là chữ viết của bà nhưng việc tính lãi của khoản vay nào bà không nhớ vì giữa hai bà có rất nhiều khoản vay không ghi giấy tờ, mỗi lần tính xong bà vứt vào sọt rác nên bà T nhặt được. Còn số tiền lãi bà T trả cho bà không ghi giấy tờ cũng không viết vào mảnh giấy nào như vậy.

Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng (bà tự viết thêm trong giấy tính lại nợ) do bà T không thừa nhận và 25.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay khác vì không liên quan đến khoản nợ này. Bà yêu cầu bà Hoàng T phải trả 90.000.000 đồng tiền vay nợ gốc, bà không yêu cầu tính lãi.

**** Bị đơn bà Hoàng T trình bày:***

Bà thừa nhận có vay mượn bà Bùi Thị H 03 lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng (lần 1: 30.000.000 đồng, lần 2: 20.000.000 đồng, lần 3: 30.000.000 đồng), còn 20.000.000 đồng là tiền lãi bà H cộng vào tiền gốc. Bà H yêu cầu bà trả 125.000.000 đồng thì bà không đồng ý mà chỉ đồng ý trả 90.000.000 đồng.

Ngoài ra bà còn nợ bà H khoản vay khác là 300.000.000 đồng (gồm 200.000.000 đồng tiền gốc vay nóng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày và 100.000.000 đồng tiền ghi sổ để còn nợ lại). Bà vay 90.000.000 đồng này là để trừ trực tiếp vào tiền lãi của khoản nợ 300.000.000 đồng chứ không được nhận tiền mặt, bà không có chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc trả lãi này vì khi trả không có giấy tờ. Bà yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ qua cơ quan Công an để xem xét khởi tố bà H về hành vi cho vay nặng lãi đối với hai khoản nợ trên.

Quá trình hòa giải ở cấp sơ thẩm, bà Hoàng T thay đổi lời khai: Bà thừa nhận bắt đầu từ cuối năm 2019, bà có vay nợ nhiều lần và còn nợ bà Bùi Thị H 90.000.000 đồng tiền gốc như bà H đã trình bày, bà có ghi chữ, số “90.000.000 đồng” trong giấy chốt nợ ngày 01/3/2020. Bà đã trả được 6.930.000 đồng tiền lãi nóng, tính từ ngày vay từng khoản cho đến ngày 01/3/2020 và bà đã cung cấp cho

Tòa án giấy bà H cộng lãi vào vỏ bao thuốc tây. Bà đồng ý trả 90.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng khi nào có thì trả vì bà đã trả lãi nhiều rồi. Đối với số tiền lãi 6.930.000 đồng đã trả cho bà H thì bà không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu gì. Bà đã làm đơn tố cáo bà H lên Công an đối với hành vi cho vay nặng lãi cả hai khoản nợ trên nên chỉ yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an giải quyết. Khoản nợ trên là bà tự vay mượn, anh Nhân không biết nên đề nghị Tòa án không đưa chồng bà là anh Nguyễn Tấn Danh N vào tham gia tố tụng, bà sẽ có trách nhiệm trả nợ, đề nghị Tòa án không buộc anh Nhân phải trả nợ cùng bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Hoàng T trình bày: Mọi lời trình bày của bà tại Tòa án trước đây là không đúng sự thật, do gia đình xảy ra nhiều việc nên bà bối rối khai tại Tòa không đúng. Bà không vay mượn số tiền 90.000.000 đồng của nguyên đơn. Còn giấy chốt tiền mà nguyên đơn cung cấp đúng là bị đơn có viết “90.000.000 triệu (chín mươi triệu đồng)” nhưng trong giấy không có chỗ nào viết bà vay tiền, giấy này có thể là bà trả tiền lãi hay tiền gì đó nhưng bà không nhớ, mặt khác số tiền nguyên đơn ghi cộng lại chỉ có 70.000.000 đồng còn bà ghi 90.000.000 đồng là không đúng. Bà không vay số tiền 90.000.000 đồng này nên bà không đồng ý trả.

**** Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn Danh N trình bày:***

Việc vay mượn số tiền 125.000.000 đồng thì ông không biết và không được sử dụng số tiền này, ông không liên quan gì đến khoản vay này. Ông Nguyễn Tấn Danh N có đơn xin giải quyết vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị H đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 25.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị H. Buộc bị đơn Hoàng T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Bùi Thị H số tiền vay nợ gốc là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2020, bị đơn bà Hoàng T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung: Bà T không nợ bà H số tiền 90.000.000 đồng và không đồng ý về phần án phí dân sự sơ thẩm, do đó, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 29/9/2020, của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về việc bà T cho rằng bà T không nợ nguyên đơn bà Bùi Thị H số tiền 90.000.000 đồng: Tại Biên bản đối chất ngày 04/12/2020, bà T thừa nhận giọng nói trong bản ghi âm là cuộc nói chuyện của bà với bà Bùi Thị H, nhưng bà T không thừa nhận số tiền nhắc đến trong bản ghi âm là tiền nợ giữa bà T và bà H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, tại Đơn phản tố của bà T, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại Biên bản hòa giải, bà T đều nhận có nợ tiền bà H là 90 triệu.

Tại bản ghi âm do nguyên đơn cung cấp đã được làm rõ thì các bên thừa nhận là giọng nói của mình, và có nhắc đến khoản nợ 100.000.000 đồng vay nóng ngày 01/3/2020 là trùng hợp và có liên quan đến khoản vay nguyên đơn khởi kiện,

tuy nhiên, cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung trong file ghi âm mà nguyên đơn cung cấp là không thấu đáo, cần rút kinh nghiệm.

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bị đơn là mâu thuẫn và nhiều lần thay đổi (ban đầu bị đơn thừa nhận có nợ 70.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi, sau đó thay đổi lời khai thừa nhận có nợ 90.000.000 đồng tiền gốc và đã trả lãi 6.930.000 đồng, có cung cấp mảnh giấy cộng lãi, nhưng không đồng ý trả tiền ngay mà khi nào có sẽ trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thay đổi lời khai trước đây và cho rằng không vay tiền của bị đơn, mọi lời khai trước đây không đúng do bị đơn bối rối vì công việc gia đình nên không nhớ rõ, việc bị đơn ghi 90.000.000 đồng là do nguyên đơn nói bị đơn viết vào thì bị đơn viết); tuy nhiên, căn cứ vào Giấy tính tiền nợ do bà T tự ghi (90.000.000 đồng), lời khai của các bên, bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H với bà T, thì án sơ thẩm tuyên bà T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 90.000.000 đồng là có căn cứ.

Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà T phải trả cho bà 100.000.000 đồng tiền vay nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi, sau đó, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 25.000.000 đồng trong đơn khởi kiện ban đầu, vì vậy án sơ thẩm đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 25.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy việc bà T phủ nhận việc bà T nợ bà H số tiền 90.000.000 đồng là không thuyết phục, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà T.

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Vì vậy, án sơ thẩm tuyên bà T có nghĩa vụ nộp (5% x 90.000.000 đồng = 4.500.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, là có căn cứ.

[3] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận khoản vay trên không liên quan đến ông Nguyễn Tấn Danh N, ông N cũng xác nhận không biết việc vay mượn, không sử dụng số tiền vay mượn trên và chứng cứ các bên cung cấp cũng không có gì liên quan đến ông N, do đó, cấp sơ thẩm đưa ông N vào tham gia tố tụng là không cần thiết; tuy nhiên, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng T – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị H đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 25.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị H. Buộc bị đơn Hoàng T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Bùi Thị H số tiền vay nợ gốc là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hoàng T phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Bùi Thị H 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0006700 ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0006780 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- VKSND huyện Krông Bông;
- CCTHADS huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết